

**Một nhiệm vụ chiến lược lớn:
Giải toả những ngộ nhận về chiến tranh
để đi đến đồng thuận, đồng tôn, đồng tiến**

Tôn Thất Thiện

Trở ngại chiến lược lớn nhất hiện nay trong sự mưu cầu tôn và tiến của dân tộc Việt Nam là không có đoàn kết; dân tộc Việt Nam vẫn phân ly, hoà giải vẫn chưa thực hiện; cuộc nội chiến thực sự vẫn chưa chấm dứt: tuy tiếng súng đã im ngoài chiến trường, nhưng trong nội tâm người Việt nó vẫn tiếp tục nổ; không hoà giải được vì những ngộ nhận sâu đậm về những cuộc chiến đã qua vẫn chi phối tư tưởng của rất nhiều người; những ngộ nhận này chưa được giải toả thì tình trạng nội chiến vẫn tiếp tục, và hoà giải đoàn kết dân tộc không thực hiện được; không có hoà giải và đoàn kết dân tộc thực sự thì sự tôn và tiến của dân tộc không thể bảo đảm được.

I . Chưa có hoà giải đoàn kết dân tộc

Tất cả mọi người Việt, dù trước kia thuộc phía nào, "quốc" hay "cộng", "Nam" hay "Bắc", "tự do" hay "xã hội chủ nghĩa", đều muốn nước Việt Nam tôn và tiến trong những điều kiện tốt nhất. Muốn vậy, Việt Nam phải thực hiện một cuộc phát triển quốc gia tối đa, toàn diện, gia tốc. Cuộc phát triển này đòi hỏi sự tận dụng tài nguyên, nhân lực và trí lực của của toàn dân. Điều này không phải ai cũng hiểu rõ.

Nhưng một điều mà càng ít người thấu hiểu hơn nữa là sự phát triển như trên phải là kết quả của một sự nỗ lực chung. Nó chỉ có thể thực hiện được trên căn bản của một sự đoàn kết thật rộng rãi, chặt chẽ và một sự hợp tác chân thành của mọi giới, mọi thành phần của xã hội Việt Nam, "cũ" và "mới", trong và ngoài nước. Sự đoàn kết và hợp tác này chỉ có thể thực hiện được nếu có sự đồng thuận của tất cả những giới đó về những mục tiêu và những phương thức thực hiện, cùng những điều kiện hợp tác và hành động chung.

Trong tình trạng phân ly hiện tại của Việt Nam tiếp theo những năm chiến tranh lâu dài và gay gắt, điều kiện tiên quyết của một sự đồng thuận như vậy là sự hoà giải thực sự, dứt khoát và chân thành, giữa những người Việt đã từng coi nhau như tử thù. Điều kiện này không thể có được nếu tình trạng chiến tranh giữa người Việt không chấm dứt hẳn.

Hiện nay, giữa người Việt với nhau sự hoà giải thật sự có chưa? Ta phải khách quan công nhận rằng: chưa. Thực trạng ngày nay là chiến tranh giữa người Việt và người Việt vẫn tiếp tục: tuy tiếng súng đã êm ngoài chiến trường,

nhưng trong nội tâm của rất nhiều người Việt Nam, trong xứ cũng như ngoài xứ, nó vẫn còn nở.

Sự kiện nổi bật, và có thể nói là lạ lùng, trong lịch sử Việt Nam hiện đại là thay vì biểu dương đoàn kết chặt chẽ để đối đầu với ngoại quốc và giải quyết những vấn đề quốc gia khẩn thiết thì người Việt lại chia rẽ và chống đối nhau ngoan mục và kịch liệt. Hai hậu quả rõ ràng của sự chống đối nhau này là 1/ chiến tranh kéo dài quá độ gây tổn thất vô tận cho xứ sở và nhân dân, và làm suy nhược quốc gia, và 2/ phát triển kinh tế cần thiết để cải thiện đời sống của nhân dân về mọi mặt bị đình đốn.

Muốn thoát khỏi tình trạng này trước hết phải hoà giải dân tộc. Muốn có hoà giải dân tộc cuộc nội chiến phải chấm dứt trong nội tâm của mọi người Việt. Điều kiện then chốt của sự chấm dứt này là giải tỏa chính xác, trọn vẹn và thỏa đáng những ngộ nhận về tính chất của những cuộc chiến liên hệ đến người Việt Nam từ trước đến nay. Cho nên mọi tư duy về xứ sở, và nhất là về mưu tìm một lối thoát ra khỏi tình trạng bùng suy hiện nay, phải bắt đầu với một sự nhận định hết sức đứng đắn, minh mẫn, khách quan, tận lý, bình tĩnh và chân thành về thực chất của những chiến tranh đã diễn ra ở Việt Nam từ trước đến nay.

II . Tính chất hỗn tạp của các cuộc chiến tranh ở Việt Nam

Từ năm 1945 đến nay, thế giới đã trải qua rất nhiều biến động. Những biến động này ảnh hưởng lớn đến tình hình Việt Nam. Tính cách giới hạn của bài này không cho phép trình bày các biến động đó một cách chi tiết. Ở đây chỉ có thể phớt qua những biến cố đã có ảnh hưởng quan trọng nhất đến vận mạng của Việt Nam. Nó làm cái khung cho những xung đột mà Việt Nam là chiến trường.

Chữ *những* trên đây có một ý nghĩa và một tầm quan trọng chính trị và tâm lý rất lớn: nó nói lên sự kiện căn bản cần được ghi nhận là Việt Nam là chiến trường không phải của *một* mà của *nhiều* chiến tranh xảy ra đồng thời và xen trộn nhau làm cho sự nhận định bản chất của nó để ấn định một thái độ thích đáng rất khó cho người Việt.

Trước hết, Việt Nam là chiến trường của một cuộc chiến tranh chống chế độ thực dân. Trong những năm 1946-1975, và cho đến ngày nay, đối với một phần lớn dư luận quốc tế cũng như đối với một số khá đông người Việt, những chiến tranh 1946-1954 (Pháp-Việt) và 1959-1975 (Mỹ-Việt) là chiến tranh giải phóng dân tộc, sự chiến đấu của một dân tộc nhỏ yếu, nhưng anh dũng vùng lên chống những cường quốc ngoan cố và kiêu căng, nhằm lật đổ chế độ thực dân áp bức và đế quốc bóc lột lỗi thời.

Đều trên đây đúng, nhưng nó chỉ đúng một phần. Nó chỉ hoàn toàn đúng trong những năm 1946-1947, và cùng lắm là đến năm 1950, hoặc 1954. Từ đầu năm 1947, tính chất cộng sản của ông Hồ và ĐCSVN rõ ràng, những phần tử yêu nước không chấp nhận chủ nghĩa cộng sản bị ĐCSVN khủng bố và kiểm cách thanh toán ; Cựu Hoàng Bảo Đại tách biệt khỏi chính phủ Hồ Chí Minh, và trở thành điểm tập hợp của những thành phần yêu nước bị ĐCS đe dọa; chính

quyền Pháp chấm dứt công nhận tư cách đại diện quốc dân Việt Nam của chính phủ Hồ Chí Minh, coi chính phủ này như một chính phủ chỉ đại diện cho cộng sản, và chuyển sự công nhận qua "Quốc Gia Việt Nam" do Cựu Hoàng làm Quốc trưởng. Việt Nam không còn là chiến trường của một cuộc chiến tranh của toàn dân Việt Nam đoàn kết và đồng tâm nhất trí tranh đấu cho độc lập thống nhất, mà trở thành một chiến trường của bốn thành phần: Pháp thực dân; Pháp chống cộng; người Việt yêu nước tranh đấu cho một mục tiêu chung là độc lập thống nhất xứ sở, nhưng đồng thời chia thành hai phe vì phân ly về một số mục tiêu căn bản khác. Điểm này sẽ được phân tích chi tiết ở phần dưới.

Đến cuối năm 1947 Khối đồng minh chống phát xít tan rã. Stalin chống kế hoạch Marshall của Tổng Thống Truman và thiết lập một tổ chức cộng sản theo mô hình Comintern (Đệ Tam Quốc Tế) mang danh hiệu Cominform. Đường lối của tổ chức này -- chủ thuyết Jdhanov -- chứa hai điểm chính: 1/ "thế giới chia làm hai phe" -- phe dân chủ do Liên Xô lãnh đạo và phe đế quốc do Hoa Kỳ lãnh đạo -- và 2/ phe dân chủ phải triệt để tấn công phe đế quốc. Tổng Thống Truman phản công với chính sách "ngăn chặn" cộng sản (containment) -- chủ thuyết Kennan --, mà mục tiêu là nhất quyết bảo vệ "Thế giới tự do" và "đẩy lui" (roll back) cộng sản bất kỳ nơi nào trên thế giới mà họ muốn bành trướng. Năm 1947 là năm phát khởi "chiến tranh lạnh" trên toàn cầu.

Ở Á đông, tháng 10 năm 1949 cộng sản Trung Hoa của Mao Trạch Đông đánh bại phe Tưởng Giới Thạch và thiết lập Cộng Hoà Nhân Dân Trung Hoa. Stalin giao cho Đảng Cộng Sản Trung Hoa đặc trách lãnh đạo cách mạng Á đông. Tại hội nghị các Công đoàn thế giới tại Bắc Kinh lúc đó, lãnh đạo Trung cộng tuyên bố "không có con đường thứ ba", và kêu gọi các dân tộc thế giới theo gương Trung Quốc chấp thu đường lối giải phóng quốc gia bằng vũ lực và đứng lên tấn công đế quốc.

Đầu năm 1950, Hồ Chí Minh bí mật đi Bắc Kinh và Mốt-scô-va để bàn về việc phối hợp đường lối chính sách của phe cộng sản ở Việt Nam. Tại hội đàm tay ba Nga-Tàu-Việt tại Mốt-scô-va, Stalin giao cho ĐCS Trung Quốc trách nhiệm hỗ trợ ĐCSVN. Cuối năm đó, Trung Cộng trực tiếp yểm trợ quân sự quy mô giúp Hồ Chí Minh đại bại quân Pháp tại vùng biên giới Trung-Việt. Tháng 2 năm 1951, ĐCSVN tái xuất hiện dưới danh hiệu Đảng Lao Động Việt Nam, và Hồ Chí Minh tuyên bố Việt Nam là "một bộ phận" của "đại gia đình" cộng sản thế giới. Trước đó, vào dịp chiến tranh Triều Tiên bùng phát và Hoa Kỳ quyết định yểm trợ Pháp ở Việt Nam vì, theo họ, Việt Nam và Triều Tiên là hai trận tuyến của cùng một cuộc chiến chống sự bành trướng của cộng sản, ông Hồ đã tuyên bố ngoài Pháp Hoa Kỳ là "một kẻ địch nữa" của Việt Nam.

Như vậy, trên thực tế, năm 1950 Việt Nam đã trở thành vừa là chiến trường giữa người Việt tranh đấu cho độc lập thống nhất xứ sở và thực dân, vừa là chiến trường của xung đột giữa Nga Xô và Hoa Kỳ -- chiến tranh lạnh --, vừa là chiến trường của xung đột giữa "đại gia đình" cộng sản thế giới và "Thế giới tự do" -- chiến tranh ý thức hệ --. Tuy nhiên, đối với phần đông dư luận thế giới

cũng như Việt Nam, vì Hoa Kỳ chưa can thiệp trực tiếp, cuộc chiến vẫn được coi như là một cuộc chiến tranh của dân Việt Nam chống thực dân Pháp để giành độc lập.

Năm 1954, sau Hội nghị Genève, độc lập không còn là một vấn đề nữa vì Pháp đã công khai long trọng công nhận sự độc lập của Việt Nam. Nhưng đồng thời Hoa Kỳ thay thế Pháp để đương đầu với Trung Cộng, lúc đó đang tỏ ra hung hăng hiếu chiến trong khi Liên Xô hoà dịu. Phần khác, ông Ngô Đình Diệm xuất hiện. Vì ông ta là một nhân sĩ có uy tín và có thành tích cách mạng chống Pháp không kém gì Hồ Chí Minh, Miền Nam có đủ điều kiện đương đầu với Miền Bắc. Ông lại có tiếng chống cộng gắt gao. Cuộc chiến ở Việt Nam biến chất rõ rệt hơn. Việt Nam không còn là chiến trường giữa những lực lượng tranh đấu cho độc lập và thực dân nữa, mà của ba cuộc chiến mới diễn ra song song: cuộc chiến giữa "Thế giới tự do và phe cộng sản, và cuộc nội chiến "quốc-cộng" giữa người Việt "quốc gia" và người Việt "cộng sản", và giữa "Miền Nam" và "Miền Bắc". Tuy vậy, vì người Mỹ là người ngoại quốc và Tây phương, chính quyền cộng sản vẫn khai thác được tính cách "chống đế quốc" của cuộc chiến của họ, như là sau năm 1965, năm mà Hoa Kỳ quyết định can thiệp trực tiếp vào Việt Nam. Sự hiện diện rầm rộ của quân đội Hoa Kỳ, và sự chi phối chính quyền Việt Nam một cách lộ liễu thiếu tế nhị của họ giúp cho tuyên truyền cộng sản thuyết phục được dễ dàng nhiều người Miền Bắc, và ngay cả ở Miền Nam, rằng cuộc chiến tranh "chống Mỹ cứu nước" là một cuộc "chiến tranh chống đế quốc" để bảo vệ độc lập, chủ quyền, lãnh thổ, hay quốc thể của Việt Nam.

Nhưng thật ra, đối tượng của Hoa Kỳ không phải là Miền Bắc, hay cộng sản Việt Nam, mà là Trung Cộng, nhất là từ những năm 1960-1963 trở đi. Trong thời gian đó Mao tuyên bố Hoa Kỳ chỉ là một "con cọp giấy", Lin Piao công bố chủ thuyết dùng các nước chậm tiến bao vây tiêu diệt các nước kỹ nghệ hoá, nghĩa là Hoa Kỳ, và Bắc Kinh khuyến khích Hà Nội gia tăng tấn công Miền Nam để gây khó khăn cho Hoa Kỳ, với mục tiêu làm nghiêng cán cân lực lượng thế giới bất lợi cho Hoa Kỳ. Vì vậy Hoa Kỳ mới can thiệp trực tiếp vào Việt Nam và tấn công Bắc Việt. Nhân dân Việt Nam bị biến thành bia đỡ đạn cho Liên Xô và Trung Cộng.

III - Bối cảnh quốc tế thay đổi

Kinh nghiệm lịch sử cho ta biết rằng một chính phủ không thể theo đuổi một chính sách nào đó mãi mãi được. Tới một lúc nào đó chính sách phải đổi vì tình hình quốc tế biến đổi. Cho nên những năm 1968 và 1970 thế giới chứng kiến những chuyển hướng ngoạn mục về chính sách của Hoa Kỳ và Trung Cộng. Năm 1968 là năm mà Tổng Thống Nixon công bố ý định rút khỏi Việt Nam và bắt tay Trung Cộng, và năm 1970 là năm mà Trung Cộng công bố Liên Xô là "kẻ thù số một" của Trung Quốc, và Chu Ân Lai bí mật tiếp Kissinger tại Bắc Kinh để điều đình việc tái lập bang giao Hoa-Mỹ, Trung Cộng thay thế Đài Loan ở

Liên Hiệp Quốc, giúp Hoa Kỳ rút quân êm thấm khỏi Việt Nam, và chuẩn bị cuộc viếng thăm Trung Quốc của Nixon.

Kết quả của những sự kiện nêu trên là từ 1970, và nhất là từ sau cuộc hội-kiến Mao-Nixon tháng 2 năm 1972, chiến tranh lạnh giữa Hoa Kỳ và Trung Cộng chấm dứt. Với Liên Xô, cuộc chiến tranh này được Khrushchev làm dịu đi từ năm 1957, bị nhóm Brezhnev-Kosygin làm sôi bùng lại sau khi Khrushchev bị hạ bệ năm 1964, nhưng rốt cục cũng chấm dứt với sự xuất hiện của Gorbachev và quyết định của ông ta về chính sách "cởi mở" (glasnost) và "đổi mới" (perestroika). Đầu tháng 12 năm 1989, tại đảo Malte, trong cuộc hội kiến thượng đỉnh Nga-Mỹ, ông ta cùng Tổng Thống Bush chính thức chấm dứt chiến tranh lạnh giữa Hoa Kỳ và Liên Xô.

Về phía Nga, cuối năm 1989 Gorbachev tuyên bố không can thiệp để duy trì các chính phủ cộng sản Đông Âu nữa, và sự kiện này dẫn đến sự triệt hạ bức tường Béc Linh và sự sụp đổ của tất cả những chính quyền cộng sản Đông Âu. Qua năm 1990 Gorbachev quyết định cải tổ để chấm dứt chế độ chuyên chế cộng sản Liên Xô, và những biện pháp ông đưa ra rốt cục dẫn đến sự giải thể của Liên Xô, của chế độ cộng sản Nga, và của khối cộng sản thế giới vào tháng 12 năm 1992.

Về phía Trung Quốc, chiến tranh bùng nổ giữa Việt Nam và Trung Quốc cuối năm 1978 sau khi Việt Nam xâm nhập Kampuchia. Những chiến tranh này nằm trong khung cảnh xung đột và tranh dành ảnh hưởng giữa Liên-Xô và Trung Cộng, và đồng thời nói lên sự tan rã của khối cộng sản thế giới. Cuộc xung đột này chấm dứt với sự bình thường hóa bang giao giữa hai quốc gia tiếp theo cuộc viếng thăm Trung Quốc của Gorbachev vào tháng 6 năm 1990. Mặt khác, do thôi thúc của Gorbachev, Việt Nam rút quân khỏi Kampuchia và Nguyễn Văn Linh bí mật viếng Trung Quốc để mở đường cho sự bình thường hoá bang giao giữa hai nước. Sự bình thường hoá này được thực hiện với chuyến thăm Trung Quốc chính thức của Đỗ Mười và Võ Văn Kiệt tháng 11 năm vừa qua.

Kết quả của những biến chuyển trên đây là từ cuối năm 1992 tình hình Việt Nam thật rõ ràng. Cuộc chiến tranh dành độc lập thống nhất đã giải quyết, chiến tranh lạnh chấm dứt và không còn mối đe dọa xâm lăng nào nữa đối với Việt Nam. Không còn một nhu cầu quốc tế nào buộc Việt Nam phải kết thuộc vào một khối nào. Cũng không còn nhu cầu quốc tế nào buộc Việt Nam phải thâu bám vào một ý thức hệ ngoại lai nào. *Hoàn toàn không còn một yếu tố nào có thể dùng làm lý do để biện luận cho sự tiếp tục một cuộc nội chiến giữa người Việt với người Việt vì sự ép buộc của tình hình quốc tế.*

Bối cảnh của Việt Nam ngày nay là một bối cảnh mới. Trong bối cảnh mới này, nếu cuộc chiến giữa người Việt còn tiếp diễn, nó chỉ có thể là một cuộc chiến mà nguyên do xuất phát từ nội bộ. Muốn chấm dứt cuộc chiến này thì phải biết những xung khắc đó là gì, nó xuất phát từ đâu, nó có thể giải quyết được hay không, và nếu được, phải giải quyết thế nào.

IV . Nguyên do của nội chiến

Như đã nhấn mạnh ở đoạn đầu, sự kiện nổi bật, và có thể nói là lạ lùng, trong lịch sử Việt Nam hiện đại là người Việt lại chia rẽ và chống đối nhau ngoạn mục và kịch liệt. Giải thích tường tận những nguyên do của sự phân ly này đòi hỏi một sự phân tách tỉ mỉ và công phu. Một sự phân tách như vậy không cần thiết ở đây. Ta chỉ cần chú tâm đến những nguyên do căn bản nhất và rõ rệt nhất của sự phân ly giữa người Việt từ 1945 đến nay. Những nguyên do đó nặng tính chất chính trị-xã hội. Nó liên quan đến quyết định về lựa chọn mục tiêu và phương thức tranh đấu. Nó xuất phát từ giải đáp cho hai câu hỏi: 1/ tranh đấu dành độc lập để làm gì? 2/ tranh đấu cách nào?

Trong thời gian đầu, đặc biệt là trong những năm 1945-1947, rất nhiều người, nhất là trong giới thanh niên, trí thức, rầm rộ hăng say nhập ngũ hay tham gia công cuộc đấu tranh giành độc lập, không nghĩ đến gì khác ngoài việc nắm lấy cơ hội tốt, mà họ mong chờ từ lâu, để "đánh Tây". Họ muốn "đánh Tây" để rửa nhục mất nước, để giải tỏa uất hận bị người Pháp nhục mạ, chèn ép, ức hiếp, ngược đãi, chính mình hay đồng bào mình, hoặc để gạt bỏ những chướng ngại cản đường tiến thân của mình. Đánh đuổi được Tây rồi, làm gì nữa, sẽ được sống trong một quốc gia một xã hội thế nào, và những người nắm chính quyền thay thế Tây là ai, thế nào, có tốt hơn Tây không, sẽ đưa mình đi đâu, là những vấn đề còn quan trọng hơn "đánh Tây, đuổi Tây" nữa. Nhưng trong bầu không khí liên hoan chứa chan hy vọng lúc đó, ít ai trong những giới nói trên thắc mắc để ý đến những vấn đề xa xôi và tế nhị như vậy. Còn đa số dân chúng, bị lôi cuốn trong luồng gió "đánh Tây, đuổi Tây", ít ai có đủ tầm vóc chính trị để tự đặt những câu hỏi đó.

Nhưng những câu hỏi trên đây là những câu hỏi căn bản, cực kỳ quan trọng cho mỗi người Việt vì nó có tính cách quyết định trong sự cải thiện đời sống của mình. Đây mới là mục đích chính, thực sự, và tối hậu của cuộc tranh đấu giành lại độc lập. Dành lại độc lập chỉ là phương tiện, bước đầu, để đi đến mục đích này. Như vậy, đối với những người có suy nghĩ, có kiến thức chính trị, cuộc tranh đấu giành độc lập phải bắt đầu, hay ít nhất là đi đôi, với một sự định nghĩa rõ ràng của "cải thiện đời sống".

Ngày nay, sau những biến chuyển lớn lao của tình hình quốc nội trong 20 năm qua, và của tình hình thế giới trong 6 năm qua, chúng ta có thể thấy rõ ràng trong bối cảnh quốc nội và quốc tế của thời hậu chiến và của ngày nay, "cải thiện đời sống" của Việt Nam và người Việt phải hội đủ những điều căn bản sau đây:

- 1/ độc lập thống nhất;
- 2/ một chế độ chính trị dân chủ thật sự, trong đó
 - người dân được tự do lựa chọn và giải nhiệm đại diện của mình;
 - người dân được hưởng toàn bộ nhân quyền và dân quyền;
 - mọi đảng phái, đoàn thể đều bình đẳng;

3/ một chế độ xã hội bảo đảm công bằng cho mọi công dân; công bằng đây không phải công bằng hình thức trên giấy tờ, mà là công bằng trong thực tế, nghĩa là có sự sắp đặt và những biện pháp cụ thể để cho những phần tử xã hội yếu thế nghèo nàn -- của thời trước 1975 và từ 1975 -- không bị chèn ép và có điều kiện vươn lên;

4/ một chế độ kinh tế bảo đảm quyền tư hữu tư sản và tự do kinh doanh, nhưng đồng thời không chấp nhận loại chế độ tư bản rừng rú bóc lột bất nhân của cách đây 100 năm hoặc loại chế độ tư bản phóng túng cuồng loạn hiện hành ở Hoa Kỳ; trong chế độ này quyền lợi của cá thể và tập thể được tôn trọng đồng đều và dung hòa hợp lý để bảo đảm cả phúc lợi của mỗi cá nhân lẫn sự trường tồn và vững tiến của xứ sở;

5/ một nền văn hoá dung hợp những giá trị tốt đẹp nhất của dân tộc với những giá trị tốt đẹp nhất của văn minh nhân loại;

6/ một chính sách ngoại giao độc lập về căn bản, trung lập, cởi mở sẵn sàng hợp tác với các quốc gia khác trong sự tôn trọng quyền lợi lẫn nhau, nhưng uyển chuyển tùy theo biến chuyển của tình hình thế giới.

Nhưng trong tình trạng hỗn độn của những năm 1945-1947, thấy rõ được những điều trên đây là một việc mà ít người làm được. Do đó, có những sự lựa chọn sai, có tính chất cục bộ, nhưng lại về những điểm căn bản. Nguyên do phân ly dân tộc Việt Nam là ở đó. Sự lựa chọn sai tai hại nhất liên quan đến hai quyết định trọng yếu về cuộc tranh đấu của dân tộc Việt Nam: 1/ chủ đích của cuộc tranh đấu, và 2/ phương thức thực hiện, đặc biệt là nguồn yểm trợ quốc tế. Trong sự lựa chọn này người Việt chia thành hai phe. Họ không phân hoá về độc lập. Độc lập là mục tiêu chung. Những người thuộc hai phe đều là những người yêu nước tận lực tranh đấu cho xứ sở. Nhưng vì sự lựa chọn của họ về những mục tiêu khác có tính cách cục bộ nên họ bất đồng, đặc biệt là về những điểm 2 và 3.

Những người cộng sản hoặc theo ĐCSVN chỉ lấy điểm 3, nghĩa là công bằng xã hội, làm chủ đích, còn những người không cộng sản hoặc chống ĐCSVN chỉ lấy điểm 2, nghĩa là tự do dân chủ, làm chủ đích. Sự lựa chọn này đồng thời cũng là lựa chọn ý thức hệ và phe quốc tế. Ai chỉ lấy điểm 3 làm chủ đích tất nhiên lựa chọn chủ nghĩa cộng sản làm ý thức hệ và Liên Xô (sau 1949, thêm Trung Cộng) và khối cộng sản làm đồng minh. Trong khi đó, những người chỉ lấy điểm 2 làm chủ đích đương nhiên phải chọn chủ nghĩa tự do làm ý thức hệ và Pháp (sau 1950, thêm Hoa Kỳ) và "Thế giới tự do" làm đồng minh.

Những sự lựa chọn sai lầm trên đây đã mang đến những hậu quả vô cùng tai hại: chiến tranh kéo dài, làm cho hàng triệu người thiệt mạng, trong đó có hàng vạn nhân tài của xứ sở mà sự thiếu hụt sẽ ảnh hưởng trầm trọng đến công cuộc tái thiết và phát triển của xứ sở sau 1975, Việt Nam bị tàn phá đến tột cùng, quốc dân chia thành hai phe tìm đủ cách vô hiệu hoá tiêu diệt nhau thay vì cùng nhau dồn sức vào việc kiến quốc. Những điều này, ngày nay người Việt nào cũng biết và hiểu, không cần nói đến ở đây.

Điều mà ngày nay cần nói đến, và nhấn mạnh, là thực ra, *cả hai phe cùng lầm*. Điều mà mọi người Việt có lương tri, thiện chí, và yêu nước đúng cách, phải công nhận ngày nay là *cả 6 mục tiêu nêu trên đây đều cần thiết cho xứ sở*, và đặc biệt, những mục tiêu 2, 3, và 4 là những mục tiêu căn bản có tầm quan trọng đồng đều. Trong 3 mục tiêu này không có mục tiêu nào có thể bỏ, và không có mục tiêu nào có thể coi là kém quan trọng hơn các mục tiêu khác. *Cả 3 mục tiêu này phải được thực hiện đồng thời và đồng đều*.

Một khi đã ý thức được sự cần thiết trên đây thì con đường thoát ra khỏi tình trạng phân ly hiện nay và chấm dứt nội chiến ngay trong nội tâm của tất cả người Việt đương nhiên hiện ra rõ ràng. Sau 20 năm quần quai trong trấn áp, nghèo nàn đói rách, lo âu và suy ngẫm -- về phía dân chúng --; thất bại, giao động, mò mẫm, và tự vấn -- về phía chính quyền cộng sản --; uất hận, tố cáo, phân hoá, bất lực, và bị đặt trước những thực tại của tình hình quốc tế mới và đồng thời thấy triển vọng chế độ cộng sản hiện tại bùng vỡ vì một số biến chuyển quan trọng của tình hình quốc nội -- về phía những người Việt tha hương --, ngày nay có thể nói là đại đa số người Việt đều thấy cần xét lại tất cả những quan niệm mà họ từng có trước 1975, và lui lại ngay cả đến 1945.

V - Con đường hoà giải dân tộc

Cuộc suy tư tái xét nêu trên sẽ dẫn đến những kết luận tất nhiên sau đây. Trước hết, không có phe nào hoàn toàn lỗi, phải cả. Người cả hai phe đều là những người yêu nước tận lực tranh đấu cho độc lập xứ sở. Do đó, họ phải được kính trọng như nhau, và họ phải tương cảm tương thông, kính trọng lẫn nhau. Thứ đến, trong những cuộc chiến vừa qua, khách quan mà xét thì thực sự không có kẻ thắng, kẻ bại; ai cũng bại cả. Về phương diện quốc gia, Pháp và Hoa Kỳ tuy mất uy tín nhưng kinh tế của họ chỉ bị sụt mẻ sơ sài không đáng kể, còn Việt Nam thì tuy được thế giới vỗ tay hoan hô nhưng xứ sở tan hoang và kinh tế liệt bại. Về cá nhân thì số người Pháp và Mỹ bị nghèo đi vì Việt Nam hầu như không có, trong khi người Việt thì ai cũng cũng bị xơ xác cả. Do đó, nói chuyện thắng bại là một chuyện vô bổ. Ưu tư chính yếu của mọi người Việt hiện nay phải là xây dựng lại xứ sở chứ không phải kể công buộc tội. Mà muốn xây dựng thành công phải có đoàn kết dân tộc.

Trên căn bản của những nhận thức trên đây, *cuộc nội chiến giữa những người Việt, ngay cả trong nội tâm, không còn lý do tiếp diễn*. Những điều kiện của một cuộc hoà giải thực sự ngày nay đã xuất hiện rõ ràng. Hoà giải dân tộc ngày nay có thể thực hiện được. Nếu vậy, nó phải được thực hiện -- càng sớm càng tốt -- để mở đường cho một sự đoàn kết dân tộc thực sự tạo điều kiện cho một sự đồng tâm hợp sức để thực hiện một cuộc phát triển toàn diện mau và mạnh, điều kiện của sự đồng tồn đồng tiến dân tộc.

Trong sự chuyển bước sang một con đường mới để đi về một hướng mới và những chân trời mới, trọng trách nằm trong tay của những người hiện đang nắm chính quyền. Họ là những người phải tháo rào cho dân tộc, và cho cả chính họ

và con cháu họ, đi tới. Quyết định khởi động là quyết định của họ. Những điều họ phải làm là:

1/ công bố ý định của họ về mưu cầu một sự hoà giải dân tộc, bằng cách chính thức tuyên bố chấp nhận 6 mục tiêu nêu trên đây *cho tất cả mọi người Việt Nam*, không phân biệt cũ mới, chánh kiến chính trị, thành phần xã hội; (tất nhiên họ tự do dùng văn bản khác, miễn là tôn trọng nội dung đã vạch ra);

2/ sửa đổi cương lĩnh, Hiến pháp, luật pháp cho phù hợp với đường lối trên đây;

3/ thuyết giảng cán bộ đảng viên về đường lối trên đây, và chỉ thị nghiêm túc cho họ phải tôn trọng và thi hành đúng đắn quyết định này của Đảng;

4/ công bố một lịch trình rõ ràng về sự chuyển từ chính sách và thể chế hiện tại sang những chính sách và thể chế mới; những giai đoạn phải ấn định rõ ràng; và chính quyền phải thi hành nghiêm chỉnh những gì đã công bố, đúng nội dung và tinh thần của những điều đã quyết định, đúng ngày, đúng cách, không xê xích, không cắt xén, không thụt lùi; thời gian chuyển tiếp không quá dài (tối đa là 5 năm, tốt nhất là 3 năm), và những giai đoạn không cách nhau quá lâu (tối đa là 6 tháng);

5/ trong suốt thời gian chuyển tiếp chính quyền tất cả các cấp phải làm tất cả những gì cần thiết để chứng minh rằng họ thực sự tôn trọng tinh thần của sự hoà giải này.

Tất nhiên, hoà giải là một chính sách phải áp dụng theo hai chiều. Nó phải có lợi và mang lại bảo đảm cho hai phía. Phía đối lập cũng phải chấp nhận hoà giải, và chấm dứt những chủ trương và hành động chống đối, gây rối loạn, nhằm lật đổ chính quyền, hay trả thù cá nhân. *Nhưng họ chỉ sẽ chấm dứt những chủ trương và hành động đó nếu họ tin chắc rằng nhu cầu "lật đổ" không còn nữa. Trách nhiệm thuyết phục họ về điểm này thuộc về chính quyền hiện tại.*

Để cho mọi người, như là đối lập trong và ngoài nước, chấm dứt tâm trạng "cọng sản bất khả tín" và từ bỏ tư tưởng "lật đổ", có hai điểm cần được chính quyền hiện tại đặc biệt chú tâm: 1/ chứng minh sự chân thành của mình bằng cách tuyên bố long trọng chấp nhận 6 điểm nêu trên, và nhất là công bố và thi hành nghiêm chỉnh lịch trình chuyển tiếp nêu trên, và 2/ chứng minh một cách cụ thể rằng a) những biện pháp bảo vệ an ninh trật tự công cộng áp dụng *cho tất cả mọi người* một cách đồng đều, đúng đắn, không phân biệt cũ mới, cọng sản hay không cọng sản, b) những nhân viên bổ nhiệm vào các cơ quan thi hành những biện pháp đó là những viên chức không những được phép, mà còn được lệnh, trung lập về chính trị, c) cơ quan kiểm soát là một cơ quan hỗn hợp gồm 3 thành phần: chính quyền, đối lập, trung lập.

Những người lãnh đạo chính quyền hiện tại nói rằng hiện nay họ đang chủ trương và thi hành chính sách "đại đoàn kết dân tộc, xoá bỏ hận thù, quên quá khứ hướng về tương lai nhằm thực hiện dân giàu nước mạnh, một xã hội văn minh". Không người Việt có thiện chí nào phủ nhận tính chất đúng và hợp lý của những mục tiêu này. Nhưng ngày nào mà những người lãnh đạo trên đây

vấn song song quyết định "kiên trì" đường lối mác-lê chủ nghĩa, với chủ trương chuyên chế giai cấp, đấu tranh giai cấp, bạo lực cách mạng, ĐCS độc tôn độc quyền, thì không thể nào những người có trí khôn, và nhất là có kinh nghiệm, về hành vi của Đảng trong quá khứ, có thể tin rằng Đảng thực tình ưu tư đến sự cải thiện đời sống của dân Việt và thực sự mưu cầu hòa giải dân tộc để tạo đoàn kết dân tộc nhằm thực hiện mục tiêu đó.

Cho đến nay, lãnh đạo ĐCS chỉ có đề cập đến đoàn kết và hòa hợp dân tộc nhưng chưa khi nào họ tuyên bố là họ chủ trương hoà giải dân tộc. Có thể họ sợ rằng hoà giải là xoá bỏ hết, là "phủ nhận sạch trơn". Nhưng sự sợ này không có căn cứ. Hai vấn đề hoàn toàn riêng biệt. Không ai phải phủ nhận quá khứ của mình, hay có quyền đòi người khác phải phủ nhận quá khứ của họ cả. Mà cũng không có ai có khả năng xoá bỏ quá khứ của mình hay của ai khác cả. Ai cũng có quyền vui thú hay buồn sầu, hãnh diện hay tủi nhục về quá khứ của mình. Nhưng dùng quá khứ đó để làm tiêu chuẩn ấn định chính sách quốc gia là một chuyện khác. Đó là ép buộc quốc dân phải tiếp tục sống trong quá khứ thay vì đương đầu với hiện tại và chuẩn bị tương lai.

Nguyên tắc chung hướng dẫn chúng ta về vấn đề này là: "Quá khứ của ta thuộc về ta, nhưng ta không thuộc về quá khứ". Chúng ta không phủ nhận quá khứ của ta, nhưng, chúng ta cũng không chấp nhận làm tù nhân của quá khứ đó. Phần khác, quá khứ của chúng ta không phải là quá khứ của người khác, và ta không có quyền buộc họ phải chấp nhận quá khứ của ta như quá khứ của họ. Dù sao, thay vì vương vấn quá khứ chúng ta nên nghĩ đến tương lai, hướng về tương lai, dồn tâm trí vào sự phát triển xứ sở để cải thiện đời sống của mọi người và mỗi người dân Việt. Khởi điểm của hành trình này là sự chấm dứt chiến tranh trong nội tâm của tất cả mọi người Việt.

Ottawa, tháng 3 năm 1995